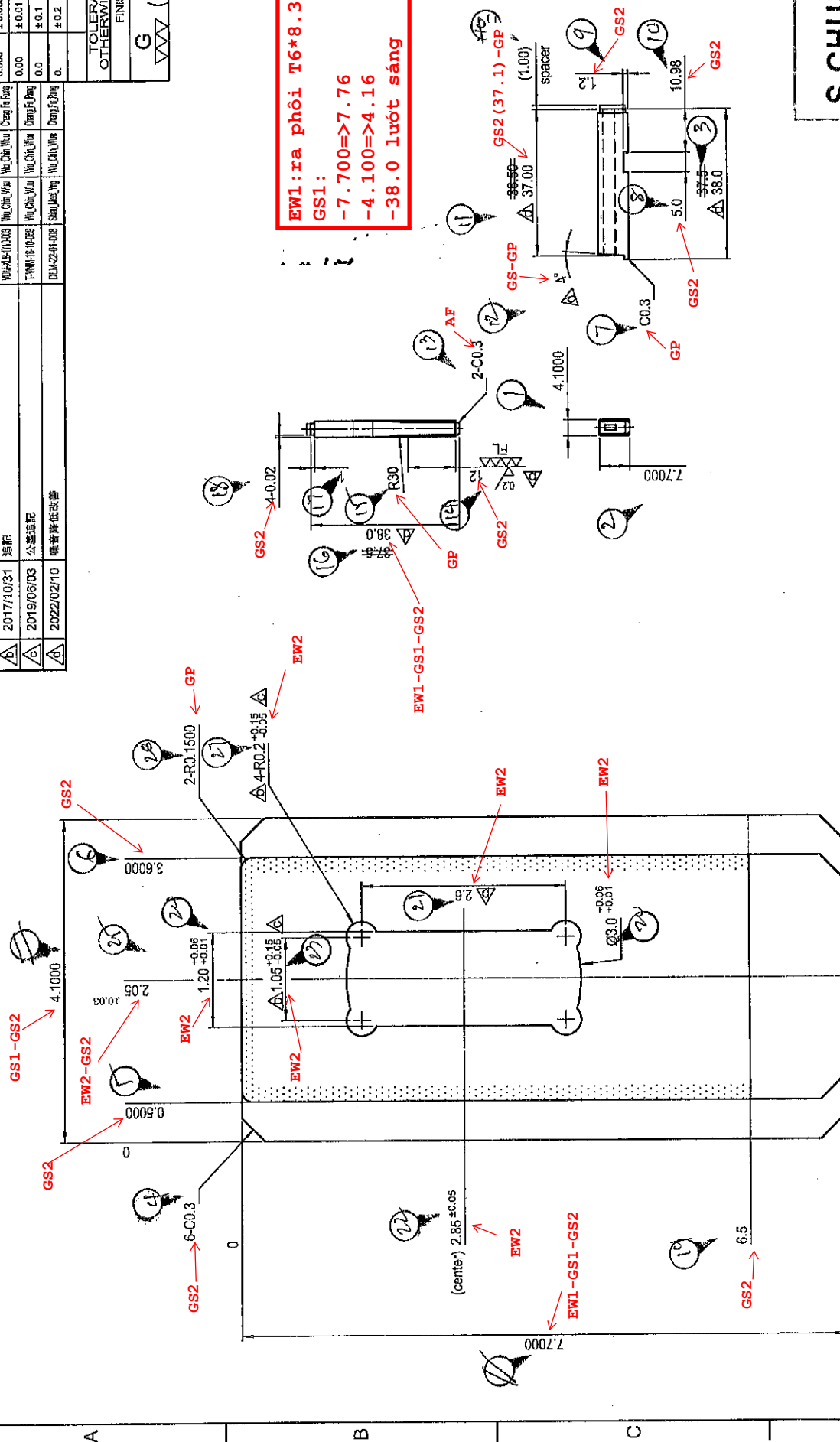



REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2007/08/21	新機設計		W.Cheung	W.Cheung	±0.002	±0.002
△	2017/10/31	追記	W.Cheung	W.Cheung	W.Cheung	±0.005	±0.005
△	2019/06/03	公鑒追記	W.Cheung	W.Cheung	W.Cheung	±0.01	±0.01
△	2022/02/10	噴嘴降低改善	CUK22-04-008	Shiu, Jia-Hing	W.Cheung	±0.1	±0.1

0.0	0	-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED		
FINISH MARKS		
G	FL	0.2/
		



CHUAN

CHKD.	MATERIAL		DATE	DWG. No.	PARTS NAME
Chang Fu Rung	WC0304HP				
Wu Chin Wuu	SURFACE				
Wu Chin Wuu	SCALE				
	1:1				
	QUENCH & TEMPER				
Wu Chin Wuu	HRC	A3	2007/08/21		S784475

FL ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)

SNO: **S784475**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T6*10*40	EW1:30 GS1:60 ED:20 EW2:60 GS2:150 GP:120 KT